TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2019/QĐST-HNGĐ	*An Nhơn, ngày 22 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1991

HKTT: Khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

Hiện trú: Xóm Đ, thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc

Người được ủy quyền: Ông Phạm Văn T - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Kim Đ – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A.

Địa chỉ: Đường H, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. ***Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn***: Giao người con chung tên Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 04.10.2013 cho chị Y tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng,

chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. ***Về tài sản chung***: Chị Y, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. ***Về nợ chung***: Anh Nguyễn Văn L, chị Phạm Thị Y và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thị xã A thống nhất chuyển tiền tiết kiệm 1.133.831đ trừ vào tiền vay gốc 26.000.000đ nên còn nợ số tiền vay gốc là 24.866.169đ (hai mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng) và tiền lãi tính đến ngày 12/4/2019 là 423.123đ (bốn trăm hai mươi ba nghìn một trăm hai mươi ba đồng). Các bên thống nhất trả tiền vay gốc 24.866.169đ và tiền lãi 423.123đ như sau:

2.3.1. Vào ngày 24/5/2019 chị Phạm Thị Y có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh thị xã A số tiền vay gốc là 7.434.169đ (bảy triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 12/4/2019 cho đến khi thi hành án xong, chị Y còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền gốc 7.434.169đ (bảy triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng, một trăm sáu mươi chín đồng) theo mức lãi suất thỏa thuận trong khế ước vay vốn.

2.3.2. Vào ngày 24/10/2019 anh Nguyễn Văn L có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh thị xã A số tiền vay gốc là 17.432.000đ (mười bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 12/4/2019 là 423.123đ (bốn trăm hai mươi ba nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 12/4/2019 cho đến khi thi hành án xong, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền gốc 17.432.000đ (mười bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo mức lãi suất thỏa thuận trong khế ước vay vốn.

2.4. ***Về án phí***:

2.4.1. Chị Phạm Thị Y phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 316.000đ (ba trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí nghĩa vụ trả nợ, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008907 ngày 29/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Chị Y còn phải nộp 166.000đ (một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2.4.2. Anh Nguyễn Văn L phải nộp 316.000đ (ba trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí nghĩa vụ trả nợ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TX. An Nhơn;
- Chi cục THA DS TX. An Nhơn;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Mỹ Lệ